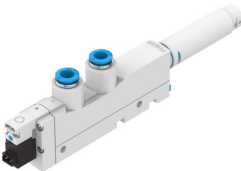


**Bộ phát chân không**  
**VN-14-L-T4-PQ3-VQ3-RO2-B**  
Số bộ phận: 532649

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                           |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| Chiều rộng định mức vòi phun laval                  | 1.4 mm                                                            |
| Kích thước lưới                                     | 18 mm                                                             |
| Thiết kế bộ giảm thanh                              | mở                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                      | bất kỳ                                                            |
| Đặc điểm của bơm phun                               | Tiêu chuẩn<br>khối lượng hút cao                                  |
| Nút ghi đè                                          | quét                                                              |
| Chức năng tích hợp                                  | Van xung đầu phun khí nén<br>Van bật-tắt điện<br>Bộ giảm thanh mở |
| Cấu trúc xây dựng                                   | Dạng T                                                            |
| Chức năng van                                       | 2/2                                                               |
| Áp suất hoạt động cho lưu lượng thể tích hút tối đa | 5 bar                                                             |
| Áp suất vận hành                                    | 2 bar...8 bar                                                     |
| Áp suất vận hành định mức                           | 6 bar                                                             |
| Dòng thể tích hút tối đa so với không khí           | 92.6 l/ph                                                         |
| Thời gian thông gió ở áp suất vận hành định mức     | 0.32 s                                                            |
| Dải điện áp hoạt động DC                            | 21.6 V...26.4 V                                                   |
| Mức tiêu thụ điện năng                              | 1.2 W                                                             |
| Thời gian bật                                       | 100%                                                              |
| Môi chất vận hành                                   | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                              |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển               | Không thể hoạt động bằng dầu                                      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                          |
| Tuân thủ LABS                                       | VDMA24364 Vùng III                                                |
| Nhiệt độ trung bình                                 | 0 °C...50 °C                                                      |
| Mức áp suất âm thanh ở áp suất vận hành định mức    | 69 dB(A)                                                          |
| Mức độ bảo vệ                                       | IP40                                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                      | 0 °C...50 °C                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                                | 100 g                                                             |
| Cổng nối điện                                       | Phích cắm                                                         |
| Kiểu gắn                                            | với lỗ xuyên<br>với ray DIN<br>với phụ kiện                       |

| Đặc tính              | Giá trị                           |
|-----------------------|-----------------------------------|
| Cổng nối khí nén 1    | QS-8                              |
| Cổng nối khí nén 3    | Bộ giảm thanh mở                  |
| Giác hút chân không   | QS-8                              |
| Vật liệu ren cổng nối | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa        |
| Ghi chú vật liệu      | Tuân thủ RoHS                     |
| Vật liệu của phốt     | NBR                               |
| Vật liệu vòi thu gom  | POM                               |
| Vật liệu vỏ           | PA gia cố<br>POM gia cố           |
| Vật liệu giảm âm      | Hợp kim nhôm rèn<br>POM<br>Xốp PU |
| Vật liệu vít          | Thép                              |
| Vật liệu vòi phun     | Hợp kim nhôm rèn                  |
| Kết nối vít vật liệu  | Đồng thau<br>mạ niken             |